

LỘ TRÌNH TỰ HỌC TOEIC CHO NGƯỜI MẤT GỐC

Các em thân mến,

Các em thường rất hoang mang khi đứng giữa một biển kiến thức hỗn độn mà không biết phải bắt đầu từ đâu. “Phải học những gì?” và “Làm sao để học được?” luôn là hai câu hỏi mà đa phần những người muốn chinh phục đỉnh cao TOEIC đều thắc mắc. Cô rất thấu hiểu những tâm tư này và mong muốn đem đến cho những ai muốn chinh phục TOEIC, dù là mất gốc hay đã có kiến thức nền, một lộ trình học chi tiết với những tài liệu bổ ích và quý báu.

Bài thi TOEIC bao gồm 2 kỹ năng nghe và đọc. Vậy để làm tốt bài thi này, ngoài việc trau dồi **kỹ năng nghe**, các em cần phải có **ngữ pháp và từ vựng** để đọc tốt. Cả ba yếu tố này phải được kết hợp và được chia ra làm những phần nhỏ phù hợp với các trình độ khác nhau.

Chính vì vậy, trong bộ “Lộ trình TỰ HỌC TOEIC cho người mất gốc” này, cô sẽ chia ra làm 3 chặng học nhé.

Chặng 1 – Chặng cơ bản: Chặng này đặc biệt dành cho những bạn có xuất phát điểm là con số 0 có mong muốn đạt được 350 TOEIC.

Chặng 2 – Chặng tăng tốc: Đây là chặng dành cho những bạn đã có nền tảng nhưng muốn củng cố và nâng cao hơn kỹ năng của mình, hướng tới mục tiêu từ 350 – 500 TOEIC.

Chặng 3 – Chặng bút phá: Chặng bút phá dành cho những bạn đang tiến dần đến với những mốc điểm cao hơn từ 600-750, và thậm chí là xa hơn nữa.

Hãy cùng cô bắt đầu nhé!

BƯỚC QUAN TRỌNG KHÔNG THỂ BỎ QUA

KHI BẮT ĐẦU HỌC TOEIC

Trước tiên, các em phải **xác định trình độ** của bản thân và đặt ra một **mục tiêu phù hợp** để thực hiện trong một khoảng thời gian cụ thể. Nhiều bạn gặp sai lầm khi không xác định trình độ bản thân, chọn một giáo trình quá khó hoặc quá dễ dẫn tới tốn thời gian học mà không thu lại được hiệu quả. Việc đặt mục tiêu thực tế cũng giúp bạn có động lực học và không dễ nản lòng bởi đã xác định tư tưởng trước. Đặc biệt là phải **đặt một mốc/khoảng thời gian** để thực hiện đó, vì không ai muốn chỉ đặt mục tiêu ra rồi để đó, chúng ta cần phải có deadline.

Làm sao để biết trình độ của mình?

Các em có thể test online tại website <http://www.anhngumshoa.com/> hoặc <http://yourenglishtest.com/>

Ngoài ra, các em đăng ký kiểm tra trình độ trực tiếp tại 1 trong 12 cơ sở của Ms Hoa TOEIC. Link đăng ký: <http://bit.ly/thithumshoa>

Sau khi biết trình độ của mình hiện tại ở đâu, các em có thể bắt đầu học TOEIC với hướng dẫn từng chặng của cô dưới đây nhé!

CHẶNG 1: CHẶNG CƠ BẢN

(Mục tiêu 0-350 TOEIC)

Thời gian mà cô mong muốn các em dành cho level này là khoảng 1.5 đến 2 tháng. Như một tờ giấy trắng, các em cần học những từ vựng và ngữ pháp cơ bản nhất.

A. Grammar (Ngữ pháp)

I. Tenses (Thì)

Lại là thì, nhưng thì gắn với động từ. Và động từ trong một câu thì bao giờ cũng gắn liền với việc nó diễn ra ở hiện tại, quá khứ hay tương lai.

Ví dụ nhé: Nếu cô nói với một anh chàng nào đó là: **I love** you. (Thực ra anh chàng đó là chồng cô ý mà, ngày nào cũng nói các em ạ). Vậy động từ mà cô dùng ở đây là “Love”, diễn ra ở hiện tại, thể hiện một sự thật hiển nhiên :D

Thế nhưng nếu cô dùng câu **I loved** you, thì có nghĩa là em đã từng yêu anh, giờ không còn nữa, dùng ở thì quá khứ đơn. Câu này chỉ nói với bạn trai cũ thôi các em ạ.

Còn câu **I will love** you (forever), cô sẽ dùng để nói với em Nhím và các em bé tương lai khác của cô, rằng: mẹ **sẽ yêu** con mãi mãi, nói về những việc sẽ diễn ra ở tương lai.

Vậy rõ ràng, việc dùng động từ theo các thì trong Tiếng Anh không phải vì người bản ngữ muốn thế, mà vì bản thân chúng ta muốn thế.

Nghe có vẻ đơn giản nhưng các em đừng tham lam học nhiều thì cũng một lúc. Đừng nóng vội nhé. Học từng thì một vì đây là thời gian xây dựng nền tảng, chậm mà chắc mới tốt. Trong tiếng Anh có rất nhiều thì, nhưng các em hãy học một cách có hệ thống để hiểu và nhớ chúng thật sâu nhé. Quan trọng hơn, các em hãy tập trung vào học những thì thật sự cần thiết và được sử dụng phổ biến không những trong bài thi TOEIC mà còn trong đời thường. Với những tiêu chí trên, cô đã chọn lọc ra những gì em nên tập trung vào để học trong phần này.

1. **Các thì hiện tại** (Hiện tại đơn – Present simple, Hiện tại tiếp diễn – Present Continuous, Hiện tại hoàn thành – Present Perfect)
2. **Các thì quá khứ** (Quá khứ đơn – Past Simple, Quá khứ tiếp diễn - Past continuous, Quá khứ hoàn thành – Past perfect)
3. **Các thì tương lai** (Tương lai đơn – Simple Future, Tương lai tiếp diễn – Future Continuous, Tương lai hoàn thành – Future Perfect)
4. **Động từ khuyết thiếu** (Modal verb – chính là các từ như can/could, may/might, must, should,...)

Trước hết khi học thì, các em hãy lập một bảng hệ thống kiến thức để ôn tập và sau này nhìn lại thật dễ dàng nhé. Đây là một gợi ý của cô dành cho các em:

	Past	Present	Future
Simple			
Continuous			
Perfect			

Trong bảng hệ thống này, các em hãy ghi lại cấu trúc, cách sử dụng và đặc biệt là những cụm từ dấu hiệu của các thì đó nhé.

Một lưu ý nhỏ của cô dành cho các em này. Cô quan sát thấy rất nhiều bạn nhớ vẹt các cấu trúc và điều này khiến cho các em rất dễ quên. Chính vì vậy, để nhớ cấu trúc lâu, các em hãy nhớ cấu trúc của thì hiện tại và lấy đó làm mốc để suy ra cấu trúc của các thì khác nhé

Ví dụ: Thì Hiện tại đơn có cấu trúc là **S + V(s/es)**, vậy sang thì Quá khứ đơn sẽ thành **S + V-ed**

Hoặc thì Hiện tại tiếp diễn có cấu trúc là S + is/am/are + V-ing, sang thì Quá khứ tiếp diễn sẽ là **S + was/were + V-ing**.

Bây giờ chúng ta sẽ cùng đi sâu vào cách sử dụng của các thì nhé. Trong phần này, cô sẽ hướng dẫn các em sử dụng cuốn sách **Grammar in Use 4** (Link download: <http://bit.ly/1REbd3w>). Đây là một cuốn sách ngữ pháp cực kì nhiều, cực kì đầy đủ tuy nhiên không phải ai cũng có thể sử dụng nó hiệu quả đâu nhé.

1. Các thì Hiện tại (Present)

a. Hiện tại đơn (Present Simple) - Unit 2 (Page 4-5)

Trong Unit này, điểm mấu chốt đó là các em phải nhớ được công thức và cách sử dụng cơ bản của thì Hiện tại đơn nhé, đó là diễn tả **thói quen (Mục B – Ví dụ 2)** và **sự thật hiển nhiên (Mục B – Ví dụ 3)**

Các cụm từ dấu hiệu của thì Hiện tại đơn chính là các trạng từ chỉ tần suất (always, often, sometimes, usually, never, once/twice/three times a week,...)

Cô có một lưu ý cho các em về công thức của **các thì đơn (đặc biệt là Hiện tại đơn và Quá khứ đơn)**, đó là các em luôn phải lưu ý sử dụng trợ động từ khi viết câu phủ định (**thêm “not” sau trợ động từ**) và câu nghi vấn (**đảo trợ động từ lên đầu câu**) nhé. Các trợ động từ trong hai thì trên thường gây khó khăn cho các em vì chúng không xuất hiện ở trong câu khẳng định mà bắt buộc phải được ghi nhớ.

Cô lấy ví dụ: She earns much money. (Cô ấy kiếm được rất nhiều tiền) thì câu phủ định “She not earns much money” là sai, mà phải được sửa thành “She doesn’t earn much money” các em nhé. Lưu ý này chính là **mục C** trong Unit 2 đó.

Sau khi đã nắm vững cách sử dụng và cấu trúc, các em hãy chuyển sang làm bài tập ở trang số 5 nhé. Đây là những bài tập đơn giản để các em có thể bước đầu làm quen với thì hiện tại đơn. Trong quá trình học, hãy luôn cố gắng học song song từ vựng để giúp ích cho các bài đọc hiểu của đề thi TOEIC các em nhé!

Tuy nhiên, một khi đã học Present Simple, các em hãy cùng học luôn Present Continuous (Hiện tại tiếp diễn) để có thể phân biệt được sự khác biệt giữa chúng nhé.

b. Hiện tại tiếp diễn (Present Continuous) – Unit 1 (Page 2-3)

Tương tự như thì Hiện tại đơn, đầu tiên các em cũng sẽ cần nắm vững cấu trúc và cách sử dụng của thì này. Tại **mục A** trong Unit 1, các em sẽ thấy được cấu trúc của thì Hiện tại tiếp diễn dưới dạng khẳng định và để thành lập câu phủ định và nghi vấn, các em hãy theo dõi **mục B – ví dụ 3 + 4** nhé.

Bên cạnh cấu trúc, các em cần nhớ được hai cách sử dụng cơ bản của thì Hiện tại tiếp diễn, đó là **diễn tả hành động đang xảy ra tại thời điểm nói (mục B)** và **diễn tả hành động xảy ra trong một khoảng thời gian ngắn của hiện tại (mục C)**.

Các cụm từ dấu hiệu của thì Hiện tại đơn là *now, right now, at the moment, at present, today, this week, this year, ...*

Sau khi đã nắm vững những lý thuyết trên, các em hãy bắt tay vào luyện các bài tập ở trang 3 nhé.

NOTE

Để phân biệt tốt hơn hai loại thì này, các em hãy tiếp tục thử sức với **Unit 3 và 4 (Page 6-9)** nhé. Những bài tập cụ thể trong hai unit này sẽ giúp em hiểu sâu hơn về cách sử dụng của chúng đây.

Ở Page 6, các em sẽ quan sát được một cấu trúc rất đặc biệt được chia ở thì **Hiện tại tiếp diễn**, đó là cấu trúc phàn nàn:

S + is/am/are + always + Ving

For example: I'm always losing things (Tôi suốt ngày làm mất đồ - mang tính cao, phàn nàn).

c. Hiện tại hoàn thành (Present perfect) – Unit 7 và 8 (Page 14-17)

Unit 7 sẽ tập trung phân tích sâu vào cấu trúc (**Mục A**) và cách sử dụng phổ biến nhất của thì Hiện tại hoàn thành, đó là **diễn tả một hành động xảy ra trong quá khứ nhưng để lại kết quả trong hiện tại**. Trong khi đó, Unit 8 sẽ đưa ra cho các em cách sử dụng thứ hai của thì Hiện tại hoàn thành, đó là **nói về một khoảng thời gian kéo dài từ quá khứ cho đến hiện tại** (ví dụ như đã làm việc này hay chưa, đã làm một hành động bao nhiêu lần,...)

Trong phần ngữ pháp này, các em sẽ thấy có sự xuất hiện của **Past Participle (Phân từ 2)**, vậy để biết đâu là những phân từ có quy tắc hoặc không, các em hãy tham khảo **Phụ lục 1 Page 292** trong sách nhé.

Các cụm từ dấu hiệu của thì Hiện tại hoàn thành có thể kể đến là *for, since, just, yet, already, recently, in the last/the past few days, recently,....* Trong đó, “for” và “since” là hai cụm từ khiến khá nhiều bạn băn khoăn, và để phân biệt tốt hai từ này, hãy cùng cô xem **Unit 12 – Page 24 – Mục A** và luyện tập bằng **bài tập 12.1 Page 25** nhé.

Nào, sau khi nắm vững các cấu trúc, hãy cùng luyện tập để có thể nắm vững kiến thức hơn các em nhé!

2. Các thì quá khứ (Past)

a. Quá khứ đơn (Past Simple) – Unit 5 (Page 10-11)

Đầu tiên, chúng ta vẫn luôn phải nắm vững cấu trúc của thì Quá khứ đơn bằng cách nhìn vào **Mục C và D** nhé. Sau đó, trong **Mục A**, chúng ta sẽ rút ra được cách sử dụng điển hình của Quá khứ đơn đó là **diễn tả một hành động đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ** các em nhé.

Trong thì này, các em sẽ thấy có sự xuất hiện của **Past Simple Verbs (Động từ trong quá khứ)**, vậy các em hãy tham khảo **Phụ lục 1 Page 292** để biết được đâu là động từ có quy tắc và đâu là động từ bất quy tắc nhé.

Các cụm từ dấu hiệu của thì Quá khứ đơn: *ago, last + time, yesterday, ...*

NOTE

Trong đề thi TOEIC, các em sẽ bắt gặp những câu hỏi có liên quan đến việc phân biệt hai thì Hiện tại hoàn thành và Quá khứ đơn với nhau, vậy đâu là điểm khác biệt giữa hai thì này nhỉ?

- When...? and How long...? – **Unit 12 Page 24-25**

- Phân biệt cách sử dụng của hai thì – **Unit 13 và Unit 14 Page 26-29**

Ngoài ra, chúng ta còn có một cấu trúc rất hay trong thì Quá khứ đơn, đó là cấu trúc “**used to**”, các em hãy tìm hiểu thêm trong **Unit 18 (Page 36-37)** nhé.

Cô có một món quà kiến thức muốn dành tặng cho các em đây. Trong bài thi TOEIC, các em sẽ thấy đề bài bắt mình chia động từ (tức là tìm thì của câu), và bắt buộc em sẽ phải căn cứ vào từ dấu hiệu để chọn ra được thì đúng. Tuy nhiên, “last” là một từ dấu hiệu rất dễ gây nhầm lẫn nhé!

- **last + time** (như last week, last month, last year,...) thì các em sẽ chia thì **quá khứ đơn**

- nếu là **in the last + time** (in the last two years,...) thì câu phải được chia ở thì **hiện tại hoàn thành**

b. Quá khứ tiếp diễn (Past Continuous) – Unit 6 (Page 12-13)

Tại **Mục A**, các em sẽ quan sát thấy công thức của thì Quá khứ tiếp diễn và hãy nhớ phải nắm thật chắc những công thức này nhé.

Mục B và C sẽ nói chi tiết cho các em về cách sử dụng của thì Quá khứ tiếp diễn mà dưới đây cô sẽ tóm tắt gọn lại là **diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ** (10 a.m yesterday morning) và **một hành động đang xảy ra**

thì một hành động khác xen vào trong quá khứ. Để hiểu rõ hơn về hai cách sử dụng này, các em hãy nghiên cứu các ví dụ được nêu ra ở bài học trong sách nhé!

c. Quá khứ hoàn thành (Past perfect) – Unit 15 (Page 30-31)

Trong **Mục A** của bài học, các em sẽ rút ra được công thức chung và cách sử dụng của thì Quá khứ hoàn thành từ một ví dụ cụ thể. Vậy cách sử dụng của thì quá khứ hoàn thành là **diễn tả một hành động xảy ra và hoàn thành trước một hành động khác trong quá khứ**.

Quá khứ là chùm thì có sự liên quan rất chặt chẽ đến nhau đấy các em. Hãy cùng cô tóm tắt lại các mối quan hệ giữa các thì quá khứ nhé.

- **Những hành động liên tiếp, liên kế nhau**: Quá khứ đơn He went home, took a shower and watched a TV show.

- **Một hành động đang xảy ra** (Quá khứ tiếp diễn) thì một **hành động khác xen vào** (Quá khứ đơn)

While she was preparing dinner, she cut herself.

- **Hai hành động xảy ra song song**: Quá khứ tiếp diễn

While Jane was watching TV at 8 pm last night, I was talking on the phone.

- **Một hành động xảy ra và hoàn thành trước** (Quá khứ hoàn thành) một hành động khác (Quá khứ đơn) trong quá khứ

The restaurant had closed before they reached there.

3. Các thì tương lai (Future)

a. Tương lai đơn (Simple Future) – Unit 21 (Page 42-43)

Mục A của Unit 21 sẽ cho các em biết được cấu trúc của thì Tương lai đơn, đó là “will/shall + V-inf”, tuy nhiên điều khiến các em dễ nhầm lẫn khi học phần ngữ pháp này

không phải là cấu trúc mà chính là cách sử dụng của chúng. Vậy những điều gì dễ khiến cho các em nhầm lẫn nhỉ?

Thứ nhất, khi nào sử dụng “shall” hay “will”? Câu trả lời sẽ được tìm thấy trong **Mục D** của bài, đó chính là “shall” thường được dùng cho các câu hỏi mang tính chất tham khảo ý kiến, cụ thể hơn sẽ được áp dụng trong các trường hợp lịch sự, trang trọng các em nhé.

Thứ hai, “to be going to” và “will” đều mang nghĩa là “sẽ”, nhưng chúng có điểm gì khác nhau hay không? Để hiểu rõ về cách sử dụng hai cấu trúc này, sau khi luyện tập các bài tập của Unit 21, các em hãy luyện tập thêm **Unit 23 (Page 46-47)** để so sánh chúng với nhau nhé.

b. Tương lai tiếp diễn (Future Continuous) và Tương lai hoàn thành (Future Perfect) – Unit 24 (P48-49)

Trong **mục B và D** của Unit 24, các em sẽ tìm hiểu về cấu trúc cũng như cách sử dụng của thì Tương lai tiếp diễn và Tương lai hoàn thành.

Trên thực tế, hai thì này khá dễ nhầm lẫn với nhau do **từ dấu hiệu** phổ biến nhất của chúng đều là một **mốc thời gian trong tương lai**. Tuy nhiên, thì Tương lai tiếp diễn chỉ một hành động **đang xảy ra tại thời điểm đó**, còn thì Tương lai hoàn thành lại chỉ một hành động **đã xảy ra và hoàn thành trước thời điểm đó**.

Cụm từ dấu hiệu: By and By the time (Cho đến khi...)

Đây là hai cụm từ xuất hiện rất nhiều trong bài thi, và dựa vào các cụm từ dấu hiệu này em có thể chọn được đúng đáp án mà không phải mất nhiều thời gian nhé. Hãy áp dụng cấu trúc sau nào:

By + mốc thời gian (Quá khứ), Clause (Quá khứ hoàn thành)

By + mốc thời gian (Tương lai), Clause (Tương lai hoàn thành)

By the time + Clause (Quá khứ đơn), Clause (Quá khứ hoàn thành)

By the time + Clause (Hiện tại đơn), Clause (Tương lai hoàn thành)

II. Part of the speech (Các bộ phận của một câu)

Gồm các loại từ hết sức cơ bản: Adjective (Tính từ), Noun (Danh từ), Pronoun (Đại từ), Adverb (Trạng từ), Articles (Mạo từ), Preposition (Giới từ). Một số bạn thắc mắc tại sao không có Verb (Động từ) đúng không? Đây chính là những bài học về thì mà các em đã học từ trước rồi đấy.

Vậy các bộ phận trên sẽ giúp em được những gì khi làm bài? Hãy cùng cô tìm hiểu bằng một ví dụ sau nhé:

The weather today is ... hot.

A. believe B. believable C. unbelievable D. unbelievably

Dù phía trước từ cần điền là “be”, rất nhiều bạn rất nhanh chọn tính từ B hoặc C. Tuy nhiên sau đó mình còn một tính từ là từ hot -> Từ cần điền là Trạng từ do **Adv+Adj**. Vậy đáp án là D.

Một cách học đúng là cách học không cần dịch nhiều, thậm chí không cần dịch, mà vẫn chọn được đáp án đúng các em nhé. Để làm được như vậy, các em cần phải nắm rõ vị trí của các từ loại ở trong câu.

1. Noun (Danh từ)

Danh từ là một trong những từ loại vô cùng quen thuộc với chúng ta trong Tiếng Việt nhưng không phải khi nào ta cũng có thể xác định được chúng một cách dễ dàng trong Tiếng Anh các em nhé. Vậy danh từ sẽ thường đứng ở đâu trong một câu?

- *đứng sau tính từ để làm rõ nghĩa cho tính từ đó*

This company offers customers products with **low price**.

- *đứng sau động từ to be để chỉ vai trò của chủ ngữ*

Jessica is **the head** of this office.

- *đứng sau các mạo từ “a, an, the”*

- *đứng sau các tính từ sở hữu (my, your, our, their, his, her, its) và sở hữu cách trong câu*

Our company's policy allows workers to have 12 days off per year.

2. Adjective (Tính từ)

Tính từ được sử dụng để làm gì và đứng ở vị trí nào trong câu? Hãy cùng cô tìm hiểu qua bài học trên kênh Youtube này nhé: <https://www.youtube.com/watch?v=PfIpyLOJJXE>

Vậy tóm gọn lại, làm thế nào để ta có thể xác định được adjective?

- adj đứng trước noun (danh từ) để bổ ngữ cho danh từ đó.

Cocacola is a **reputable corporation**.

- adj đứng sau các đại từ bất định như *something, someone, somebody, anything, anyone, anybody,*

There wasn't **anything special** about her.

- đứng sau động từ tobe để chỉ tính chất của chủ ngữ

The company's profit **was impressive** enough to attract potential visitor.

- đứng sau "linking verb" (động từ nối), bao gồm các từ điển hình sau *get; become; remain; seem; look; sound; stay*

Workers will **become accustomed** to operating the machine.

3. Adverb (Trạng từ)

Trong bài thi TOEIC nói riêng và trong ngôn ngữ Tiếng Anh nói chung thì trạng từ cũng là một từ loại rất phổ biến các em nhé. Để hiểu được vai trò của trạng từ, các em hãy theo dõi video này trước khi tóm tắt kiến thức cùng cô nhé:

https://www.youtube.com/watch?v=ZIA_Gp1RFWU

- đứng cạnh động từ để bổ ngữ cho động từ đó

The new product was **launched successfully**.

- đứng trước tính từ để bỏ ngữ cho tính từ đó

The cost of this project is **extremely high**.

- dùng để bỏ ngữ cho toàn bộ câu

- **Unfortunately**, there has been a reduction in our sales this year

4. Giới từ

Trong Tiếng Anh hay Tiếng Việt thì chúng ta cũng gặp vô vàn các giới từ khác nhau như “in, on, at, from, to, for...”, vậy làm sao để có thể chọn đúng các giới từ này khi chúng ta là bài thi?

Một bí quyết của cô dành cho các em đó là đối với những câu hỏi về giới từ, các em thường không cần phải dịch nghĩa cả câu vì bản thân giới từ mà các em cần tìm chỉ đang đi kèm với những từ ở xung quanh chúng mà thôi. Hãy quan sát ví dụ sau của cô nhé:

We regret to inform you that you are not qualified for the position you apply_____.

A. to B. for C. with D. In

Nhìn đằng trước thì câu này trông thật dài, tuy nhiên điều mà các em cần chú ý chỉ là xung quanh từ cần điền, chính là chữ “apply” và tất yếu đáp án em chọn sẽ là B

– apply for rồi.

Chính vì thế, khi làm bài giới từ thì đừng hoang mang em nhé, và hãy chịu khó trong quá trình làm bài, nếu em thấy được cụm từ nào có đi kèm với giới từ, hãy đánh dấu lại để học luôn nha.

Các em ơi, các em đã biết được vị trí của các từ loại trong câu, tuy nhiên làm thế nào để xác định đúng đáp án nào có chứa từ loại mà mình cần như trong ví dụ dưới nhỉ?

We are seeking individuals to participate in those outdoor activities

A. Interest B. interested C. interestingly

Để có thể chọn được đáp án đúng, các em phải học đuôi của các từ loại nhé!

Đuôi của tính từ và trạng từ: <http://www.anhngumshoa.com/unit-2-dau-hieu-nhan-biet-tinh-tu-trang-tu-nd461419>

Đuôi của danh từ: <http://www.anhngumshoa.com/unit-13-1-vi-tri-chuc-nang-cach-nhan-biet-danh-tu-nouns-nd463502>

III. Conjunction (Liên từ)

Liên từ là gì các em nhỉ? Đó chính là các từ nối các mệnh đề trong cùng một câu hoặc nhiều câu lại với nhau để giúp câu trở nên uyển chuyển hơn đấy. Hãy quan sát ví dụ sau cùng cô nhé:

“This brand is going to expand in the future. It wants to have some agencies in Europe. It needs to prepare for capital to fulfill this ambition.”

Và *“This brand is going to expand in the future so it wants to have some agencies in Europe. To do that, it needs to prepare for capital to fulfill this ambition.”*

So sánh hai câu trên với nhau, các em sẽ thấy rằng câu dưới có sự liên kết hơn rất nhiều vì cô đã thả vào đó những liên từ đúng không? Liên từ cũng là một phần ngữ pháp thường gặp trong bài thi TOEIC, vậy để ăn điểm những câu hỏi về liên từ, các em hãy click vào đường link này để trau dồi thêm kiến thức nhé:

<http://www.anhngumshoa.com/unit-7-bo-sung-them-kien-thuc-ve-lien-tu-conjunction-nd461513>

IV. Relative clause (Mệnh đề quan hệ)

Trở về với quyển **Grammar in use 4**, các em sẽ biết đến một phần ngữ pháp mới rất hay gặp trong TOEIC, đó chính là Relative clause (Mệnh đề quan hệ).

Trước tiên, hãy cùng tìm hiểu về mệnh đề quan hệ nhé. Mệnh đề quan hệ bổ ngữ cho **một bộ phận đứng ngay trước** đó và để làm cho câu rõ nghĩa hơn.

Johnson [who is my neighbor] is very friendly.

S Relative clause main V

Trong câu trên, ta có thể thấy đã đầy đủ các thành phần chính của một câu (S và main V), vì thế Mệnh đề quan hệ là một thành phần phụ của câu, làm rõ nghĩa hơn cho bộ phận đứng trước là “Johnson” (Không phải Johnson làm việc cùng tôi mà là Johnson hàng xóm của tôi).

Nếu gọi “who is my neighbor” là mệnh đề quan hệ thì “who” được gọi là đại từ quan hệ các em nhé – đây là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Vậy ngoài “who” ra, chúng ta còn có mệnh đề quan hệ với những từ nào?

1. Who/that/which – Unit 92 (P184-185)

- *Who/that* là các đại từ quan hệ được sử dụng để chỉ người, với điều kiện khi **xét trong mệnh đề quan hệ, từ cần bổ ngữ phải đóng vai trò là chủ ngữ.**

The woman who lives next door to us is a doctor.

Trong câu trên, “the woman” là từ đang được bổ ngữ, mệnh đề quan hệ là “who lives next door to us”, và trong mệnh đề quan hệ này, “the woman” đóng vai trò là chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ nên ta sẽ sử dụng đại từ quan hệ “who”

The woman ~~who~~ I talked to yesterday is a doctor.

Trong câu này, “the woman” vẫn là từ cần được bổ ngữ, tuy nhiên mệnh đề quan hệ “I talked to yesterday” đã có chủ ngữ là “I”. Chính vì vậy, sử dụng who trong trường hợp này là không chính xác.

- *that/which* là các đại từ quan hệ được sử dụng để chỉ sự vật, sự việc.

2. whose/whom/where

- *whose* là đại từ quan hệ chỉ sự sở hữu

- *whom* là đại từ quan hệ chỉ người, với điều kiện khi **xét trong mệnh đề quan hệ, từ cần bổ ngữ phải đóng vai trò là tân ngữ**

The woman whom I talked to yesterday is a doctor.

- *where* là đại từ quan hệ chỉ nơi chốn

3. Lược bỏ đại từ quan hệ

Chúng ta hoàn toàn có thể lược bỏ đại từ quan hệ với điều kiện khi **xét trong mệnh đề quan hệ, từ cần bổ ngữ phải đóng vai trò là tân ngữ**.

Vậy đối với câu sau, chúng ta hoàn toàn có thể viết “The woman whom I talked to yesterday is a doctor.” thành “The woman I talked to yesterday is a doctor.”

V. Conditionals

1. Conditional Type 1 and 2 (Câu điều kiện loại 1) – Unit 38 (P76-77)

Câu điều kiện loại 1 diễn tả một sự việc có khả năng xảy ra trong hiện tại hoặc tương lai

Câu điều kiện loại 2 diễn tả một sự việc không có khả năng xảy ra trong hiện tại hoặc tương lai

2. Conditional Type 3 (Câu điều kiện loại 3) – Unit 40 (P80-81)

Câu điều kiện loại 3 diễn tả một giả định không đúng với quá khứ

Làm thế nào để có thể nhớ cấu trúc các câu điều kiện thật dễ dàng? Các em hãy để ý nhé, giữa các câu điều kiện sẽ có sự dịch chuyển về thì, cụ thể là sẽ dần lùi thì xuống khi chuyển sang câu điều kiện khác.

Type 1: If + S + V (Hiện tại đơn), S + will + V-inf

Type 2: If + S + V (Quá khứ giả định), S + would + V-inf

Type 3: If + S + V (Quá khứ hoàn thành), S + would have + PII

VI. Passive voice (Câu bị động)

Câu bị động luôn bao gồm hai thành phần chính: **to be** + **PII** như đã nêu tại **Mục C** trong Unit này. Tuy nhiên, “to be” sẽ được chia khác nhau trong các cấu trúc khác nhau đây nhé.

Các cấu trúc của câu bị động đã được chia thành các Unit sau:

Unit 42 (P84-85): bị động với thì hiện tại đơn và quá khứ đơn

Unit 43 (P86-87): bị động với thì tương lai, nguyên mẫu hoàn thành, hiện tại + quá khứ hoàn thành và hiện tại + quá khứ tiếp diễn

B. Listening

Nghe quả là một trong những kỹ năng gây ra rất nhiều trở ngại cho những người học Tiếng Anh, kể cả những ai học khá chắc ngữ pháp đôi khi vẫn cảm thấy kỹ năng này thật là khó. Để có một phương pháp học nghe tốt, các em cần hiểu được nguyên nhân tại sao các em không nghe được để từng bước khắc phục chúng nhé.

Đầu tiên, đó là do rất nhiều từ Tiếng Anh tuy được viết như thế này nhưng lại được đọc theo một cách khác. Chẳng hạn như từ “green”, mặc dù có chữ cái “e” nhưng sự kết hợp của “ee” lại khiến chúng được đọc thành âm /i:/, hay ví dụ như từ island tuy có “s” nhưng lại là âm câm khi phát âm và chỉ được đọc là /'aɪlənd/, còn chữ cái “a” không phải khi nào cũng được phát âm giống như vậy, mà khác nhau qua từng từ như “apple” /'æpl/, father /'fɑ:ðər/ và game /geɪm/.

Vậy để khắc phục vấn đề đầu tiên này, em hãy tạo cho mình **phản xạ phát âm**. Đối với phương pháp này, các em hãy sử dụng cả Body language (Ngôn ngữ cơ thể) kết hợp với Sounds (Âm thanh) nhé. Bài học sẽ trở nên thú vị hơn rất nhiều nếu các em vừa nở một nụ cười vừa nói âm /i:/, hay mô phỏng âm /ʒ/ bằng hành động vít ga xe máy,... Với phương pháp này, em sẽ thấy mọi thứ đi vào trí não em một cách vô thức và khi gặp lại nó, em sẽ nhớ đến những hành động mình đã làm và phản xạ lại chúng rất nhanh đấy.

Các em sẽ tiến hành áp dụng phương **pháp phản xạ phát âm** theo thứ tự học phát âm các âm tiết đơn lẻ trước, sau đó đến âm đôi song song với việc học phát âm theo cặp âm để nhầm lẫn như /I/ và /i:/, /o/ và /u:/

Thứ hai, đó là khi người bản ngữ nói chuyện, họ thường nối âm và đọc lướt một vài từ không quan trọng trong câu, điều này khiến cho những người học Tiếng Anh rất khó để theo kịp. Ví dụ đối với câu “How are you feeling today?” sẽ trở thành “Howrya feelin’ today?”, hoặc “I’m going to have lunch” chỉ còn là “I’m gonnahav lunch”.

Để có thể giải quyết vấn đề này và theo kịp những gì người bản ngữ nói, em cần phải luyện tập các kỹ năng phát âm nâng cao bao gồm Intonation (Ngữ điệu), Ending sounds (Bật âm đuôi), Reduction and Linking Sounds (Giảm âm và Nối âm), Stress (Trọng âm của từ và nhấn nhá câu)... Đây là những kỹ năng khiến cho câu nói của em trở nên uyển chuyển hơn và giống với ngữ điệu của người bản ngữ. Ví dụ, đối với Wh-questions, các em sẽ xuống giọng trong khi đối với Yes/No-questions, các em sẽ lên giọng ở cuối câu. Điều cô muốn các em phải thật chú ý đó chính là ngữ điệu, âm đuôi, trọng âm,... tất cả đều có quy tắc và các em cần phải tìm hiểu thật kỹ về chúng trước khi áp dụng để tránh biến câu nói của mình nghe kì quặc khi nói chuyện với người bản ngữ.

Để giúp các em học tập tốt hơn, cô đã chuẩn bị cho các em chuỗi các video về chủ đề phát âm để các em có thể luyện tập nhé: <http://mshoagiaotiep.com/video-phat-am-tieng-anh-nl114.html>

Ngoài ra, mỗi ngày các em hãy dành ra 30 phút để bật các website để áp dụng phương pháp nghe trong vô thức nhé. Trong giai đoạn này, các em chưa cần nghe hiểu những bài nghe khó mà quan trọng là em cần phải để não mình quen với thứ ngôn ngữ này để đẩy nhanh quá trình tạo phản xạ nhé. Các website mà các em có thể nghe đó là kênh VOA Special English, BBC six-minute English hay Ello.org.

C. Vocabulary

Cuối cùng đó chính là vấn đề về từ vựng. Do vốn từ của em chưa đủ rộng nên khi họ nói, em sẽ khó lòng bắt kịp. Vậy lời khuyên của cô dành cho em đó là học từ vựng **theo chủ đề**, bắt đầu từ dễ đến khó và học những cụm từ **không thể thay thế được** trong câu. Ví dụ trong câu “Can I help you carry the luggage?” thì “carry the luggage” là không thay đổi. Sau đó em sẽ áp dụng **Phương pháp phản xạ từ vựng** của Ms Hoa Giao Tiếp. Nếu em chỉ nhìn từ vựng đó và lẩm nhẩm trong đầu thì khoảng thời gian đó quá ngắn ngủi để những từ vựng đó có thể chuyển từ khu vực trí nhớ ngắn hạn sang trí nhớ dài hạn. Đối với phương pháp phản xạ từ vựng của cô, từ vựng sẽ được học kết hợp với hành động – hay còn gọi là **action vocab**. Cô muốn mỗi khi các em học từ mới, các em phải kết hợp chúng với nhiều hành động khác nhau liên quan đến từ vựng đó và lặp đi lặp lại ít nhất 10 lần để có thể nhớ thật lâu. Chẳng hạn khi em học cụm “open the door”, em phải đồng thời mở cửa và cứ như vậy lặp đi lặp lại nhé.

Vậy là chúng ta đã đi cùng nhau qua Chặng cơ bản rồi. Bên cạnh những tài liệu mà cô đã chia sẻ ở trên, cô muốn tặng em thêm nhiều những tài liệu học nữa để các em có thể ngày một cải thiện kỹ năng ngoại ngữ của mình nhé.

1. Lộ trình Giao tiếp hàng ngày dành cho người mất gốc (<http://bit.ly/lotrinh-giaotiep-matgoc>), và sau đó tiến tới Lộ trình giao tiếp hàng ngày nâng cao (<http://bit.ly/giaotiep-nangcao-online-free>), cung cấp cho em vốn từ vựng đa dạng về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày.

2. Lộ trình Giao tiếp công việc dành cho người mới bắt đầu (<http://bit.ly/giaotiep-congviiec-coban>), và nâng cao trình độ hơn nữa bằng Lộ trình Giao tiếp công việc nâng cao (<http://bit.ly/giaotiep-congviiec-nangcao>), cung cấp cho em vốn từ vựng về các chủ đề trong môi trường làm việc.

3. Ngữ pháp Tiếng Anh (Tác giả: Mai Lan Hương – Nguyễn Thanh Loan): Ưu điểm của quyển này là có tiếng Việt, sẽ không làm các em vã mồ hôi như mấy quyển sách toàn bằng Tiếng Anh.

Link download: <http://bit.ly/1REbd3w>

4. ABC TOEIC: Gồm 2 cuốn là ABC TOEIC Listening Comprehension (Nghe) và Reading Comprehension (Đọc). Bộ sách đơn giản, giống như giới thiệu các bạn mới chấp chững bắt đầu luyện thi TOEIC, nên các em đừng lo bị nản trong quá trình học nhé. Là một quyển sách tốt để ôn cả **từ vựng và luyện nghe**. Cô chú ý thêm là những từ vựng trong sách đều là **thói quen của bài thi TOEIC** tức đều là những từ chọn lọc rồi nhé.

5. Very easy TOEIC: Bộ sách phù hợp với trình độ của các bạn lắm. Sau khi đã có những **kiến thức cơ bản ở level 0-200**, cuốn sách này sẽ dễ nuốt hơn so với việc học nó ngay từ đầu các em nhé. Sách gồm cả kỹ năng đọc và nghe.

Link download: <http://bit.ly/1pmQasU>

CHẶNG 2: CHẶNG TĂNG TỐC

(Mục tiêu 350-550 TOEIC)

Chặng tăng tốc là chặng để các em trau dồi thêm các kiến thức nâng cao hơn có trong bài thi TOEIC. Trong chặng này, chúng ta vẫn tìm hiểu về 3 phần: Grammar, Listening và Vocabulary, tuy nhiên ở đây chúng ta sẽ đi sâu vào thực hành những kỹ năng này nhé. Cô mong rằng em sẽ dành ra khoảng 2 tháng cho chặng này và cùng cô xây dựng những viên gạch thật là vững chắc cho chặng cuối cùng – Chặng bút phá.

A. Grammar

Các em ơi chúng ta lại quay trở về với quyển sách Grammar in use 4 “huyền thoại” nhé.

1. Rút gọn mệnh đề quan hệ - Unit 97 (P194-195)

Rút gọn mệnh đề quan hệ là một phần thường gặp trong bài thi TOEIC. Hãy cùng cô ngâm nghĩ ví dụ sau để hiểu được thói quen ra đề nhé:

The woman who is carrying out the project is our new manager.

Trong câu trên, các em sẽ thấy được “who is carrying out the project” là Relative Clause (Mệnh đề quan hệ). Vậy để rút gọn mệnh đề quan hệ, các em hãy xác định xem mệnh đề quan hệ đó đang ở dạng chủ động hay bị động nhé. **Nếu là dạng chủ động, MĐQH sẽ được rút gọn dưới dạng V-ing, còn là dạng bị động, MĐQH sẽ được rút gọn dưới dạng PII.** Vậy ví dụ trên sẽ được rút gọn lại thành “The woman carrying out the project is our new manager.”

2. Đảo ngữ của câu điều kiện

Trong phần này, các em nên đặc biệt chú ý đến đảo ngữ của câu điều kiện loại 1. Các em có thể thấy phần ngữ pháp này ở Page 26 sách Ngữ Pháp Tiếng Anh cô đã dẫn link ở trên đây

Nhân tiện đây cô chia sẻ luôn một thói quen của bài thi TOEIC vậy nhé. Cô có một câu ví dụ như thế này:

..... *anyone come late for the meeting, please advise our staff.*

A. *If* B. *Should* C. *May* D. *When*

Nhìn vào câu này rất nhiều bạn chọn thật nhanh, đáp án A. *If*, dấu hiệu là “please”

Tuy nhiên động từ come đang để ở dạng nguyên thể, trong khi câu đúng phải là “If anyone comes..” do chủ ngữ anyone là chủ ngữ số ít

Vậy đáp án đúng và là thói quen ra đề là B. *Should*, vì ta có công thức Should S + V (nguyên thể) đang ở dưới dạng đảo ngữ đó các em.

B. Listening

Đây chính là chặng các em cần phải trau dồi kỹ năng Listening thật là tích cực đấy nhé. Nếu ở Chặng cơ bản các em bật file nghe trong vô thức, thì trong chặng này các em sẽ tập trung vào việc nghe hiểu những gì mà họ đang nói để tạo đà cho các bài nghe ở TOEIC đó.

Với những website luyện nghe trong chặng cơ bản, các em hãy chọn ra một chủ đề và tiến hành nghe 3 lần. Tại sao lại phải nghe nhiều như vậy nhỉ? Vì chúng ta chưa cứng cáp hẳn nên cần có những lần nghe để làm quen trước khi cố gắng hiểu được nội dung của bài nghe đó. Lần 1, em sẽ nghe xem chủ đề của bài nghe đó là về vấn đề gì; lần 2 hãy nghe những chi tiết cụ thể hơn, tuy nhiên chưa cần thiết phải nghe từng từ; lần cuối cùng vừa nghe vừa đọc tapescript để xem mình đã bỏ sót những từ gì và họ phát âm từ đó như thế nào nhé.

Sau khi áp dụng cách nghe này trong khoảng 1 tháng, các em hãy rút ngắn số lần nghe xuống còn 2 lần. Lần 1 vẫn là để làm quen nhưng sang lần 2, các em hãy chép lại câu đầy

đủ, nghe đến khi thuộc cả câu, thuộc theo kiểu nhắm mắt vẫn có thể nhớ người ta nói gì các em nhé. Tức là mỗi câu các em cần nghe khoảng ít nhất 3-4 lần. Kỹ năng nghe có thể lên rất nhanh, phụ thuộc vào mức độ thường xuyên mà các em dành cho việc nghe. Cô kì vọng các em sẽ dành ít nhất là 30 phút – 1h mỗi ngày để luyện nghe nhé. Nếu dành nhiều hơn, các em sẽ đạt kết quả nhanh hơn. Để mà đúng không các em?

C. Vocabulary

Việc học từ vựng là vô cùng quan trọng tuy nhiên giữa một biển từ vựng quá nhiều, em nên có sự chọn lọc kĩ lưỡng nhé vì mục tiêu mà chúng ta đang hướng tới đó là chinh phục TOEIC mà. Khi học từ vựng, đừng học một cách nhàm chán mà hãy học song song với phương pháp phản xạ từ vựng mà cô đã nói ở trên để có thể nhớ thật lâu các em nhé.

Ở Chặng tăng tốc này, các em sẽ phải thật sự đầu tư nhiều thời gian và công sức cho việc nghe và học từ mới. Cô muốn tặng các em những món quà quý giá, đó là những bộ tài liệu mà cô cho rằng sẽ rất hữu ích cho các em trong chặng này nhé.

1. 600 essential words for the TOEIC (<http://bit.ly/1oMNR1P>): Bộ sách từ vựng kinh điển cho những người học TOEIC. Tuy nhiên, học cái gì, học làm sao, học như thế nào mới là những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả việc học của các em. Những chủ đề mà cô kì vọng các em sẽ học thật sâu vì quá quen thuộc:

General Business - Office issues - Restaurant and events - Travel - Entertainment

2. Bên cạnh đó, hãy chuẩn bị cho mình một cuốn sổ ghi chép những cụm từ là THÓI QUEN của đề thi nhé các em. Dưới đây là tập hợp 1 số Link download các cụm từ

Adjective collocations – Cụm tính từ

Link download: <http://bit.ly/1LSZGsE>

Adverb collocations – Cụm trạng từ

Link download: <http://bit.ly/1LSZGsE>

Noun collocations – Cụm danh từ

Link download: <http://bit.ly/1LSZGsE>

Verb collocations – Cụm động từ

Link download: <http://bit.ly/1LSZGsE>

3. Bộ sách luyện kỹ năng: Big step TOEIC 1,2.

Ưu điểm nổi bật của bộ Big Step TOEIC 1, 2, 3 là viết vô cùng dễ hiểu, hệ thống kiến thức từ cơ bản đến nâng cao rất sát với đề thi TOEIC thực nên các bạn sẽ tiếp thu được kiến thức chọn lọc, cần thiết cho kỳ thi TOEIC một cách tốt nhất.

Link download (Big Step 1 - Sơ cấp): <https://goo.gl/ta7GBp>

Link download (Big Step 2 – Trung cấp): <https://goo.gl/YHwhRn>

4. Bộ sách luyện đề: Ở giai đoạn này các em nên bắt đầu luyện đề, nên chọn những bộ đề dễ như Economy Vol 1, hoặc bộ Finish TOEIC (Reading và Listening riêng) nhé.

Link download (Economy volume 1) : <http://bit.ly/1TP5yef>

Link download (Finish TOEIC): <http://bit.ly/1TP5yef>

Sau khi làm đề, ngoài việc check đáp án thật kĩ, các em cũng cần có một người học cùng, xem và giải thích những lỗi sai của mình. Có vậy vừa điểm vừa tăng, vừa học được thêm từ mới nữa nhé.

CHẶNG 3: CHẶNG BỨT PHÁ

(Mục tiêu 600-750 TOEIC)

Trong chặng này, mục tiêu của các em là chinh phục trên 500 TOEIC, do đó việc luyện đề là vô cùng quan trọng do các em đã có kiến thức nền vững vàng rồi.

Tuy nhiên, trong quá trình luyện đề, các em cũng cần có thời gian biểu rõ ràng. Các em nên để ra 1 tiếng mỗi ngày để luyện 1 trong 2 kỹ năng Listening hoặc Reading và sau đó dành ra thêm 1 tiếng để xem lại bài. Việc xem lại bài rất quan trọng vì nếu các em chỉ đơn giản làm làm đề và xem kết quả thì các em sẽ không rút ra được những lỗi sai của mình để khắc phục vào những lần sau. Bí quyết của cô là: chăm chú nghe lại từng câu và nhại theo những bài nói và xem lại toàn bộ phần ngữ pháp nếu mình bị sai trong quá trình làm bài. Hãy chuẩn bị một cuốn sổ tay xinh xắn để ghi chép lại nhé!

Trình độ 550 – 650

Từ vựng:

Bắt đầu học vào các chủ đề sâu hơn trong môi trường làm việc, gồm các chủ đề sau trong cuốn **600 essential words for the TOEIC**:

1. Personnel
2. Purchasing
3. Finance and Budgeting
4. Management issues

Bộ sách luyện kỹ năng:

Big step 3: Độ khó cao, không quá dễ thở, như Big step 1,2. Tuy nhiên não người cũng như cơ vậy, muốn “to, đẹp, hiệu quả” thì phải chịu những căng thẳng nhất định rồi

- ☐ Link download (Big Step 3 – Nâng cao): <https://goo.gl/sarxgK>

TOEIC ICON Intensive: Tên sách có chữ Intensive, tức là không nhẹ nhàng, nhưng càng học càng thấy lên, vì từ vựng và nội dung rất phù hợp các em nhé.

Economy Volume 2: Quyển sách này sẽ tạo cho em nhiều chương ngại vật hơn Economy Volume 1 nhưng hãy kiên trì nhé, “có công mài sắt có ngày nên kim” mà.

- ☐ Link download (Economy Volume 2): <http://bit.ly/1QJmyvJ>

Trình độ 750+

Với trình độ 750+, các em cần tập trung để giải quyết những câu khó của cả 2 phần. Một vài bộ sách cô gợi ý cho các em làm thêm

- Reading: **TOEIC Intensive Reading**
- Listening

TOEIC Training Reading Comprehension 860: Có bộ từng vựng đi theo cụm rất sát đề, chia sẻ về những bẫy mà các em hay mắc phải, đồng thời cũng có các bài tập để các em luyện tập và áp dụng luôn.

- ☐ Economy volume 3: <http://bit.ly/1LT0dL1>

Bộ Longman Actual test: Đánh giá của cô là bộ này khó hơn bộ Economy. Xét về mặt sát đề hay không thì bộ Economy cô vẫn đánh giá cao và sát hơn bộ Longman. Tuy nhiên bộ Longman có mức độ khó cao hơn bộ Economy, mang nhiều thử thách hơn nếu các em đã bị “bão hòa” với Economy nhé. (<http://bit.ly/21AhlSx>)

NOTE:

Trước khi đi thi khoảng 1 tháng: luyện đề chuyên sâu, tổng hợp và theo dõi biểu đồ điểm cụ thể từng phần của mình để nắm được điểm mạnh và điểm yếu của mình trong bài thi. Rèn luyện với áp lực thời gian, với một chiến thuật thời gian hợp lý. Ví dụ: Với phần Reading, cô thường khuyên các bạn có lượng từ vựng và ngữ pháp tốt rồi nên làm phần đọc hiểu trước, trung bình mỗi câu dành khoảng 45-60s. Vì lúc bắt đầu làm bài bao giờ cũng là lúc các bạn sung sức và có đầu óc minh mẫn nhất. Thâm chí học sinh của cô, đăng kí thi buổi sáng lúc 7h30, nên ngày nào 7h30 cũng thức dậy làm bài thi cho quen “mùi giò” các em ạ.

Khi luyện nghe trong môi trường yên tĩnh, nên nghe loa ngoài cho giống với bài thi thật các em nhé (không dùng headphone nha)!

Nghe: luyện chuyên sâu từng kĩ năng một, luyện từng phần một, tập trung vào các phần mà điểm của mình chưa ổn. Sau đó mới chuyển sang làm cả đề, vì muốn xây nhà tốt, thì móng và từng bộ phận phải tốt đã.

Còn rất nhiều điều cô muốn chia sẻ nữa, tuy nhiên để dành dịp sau các em nhé! Cô chúc các em luôn vững tin, quyết tâm và tràn đầy cảm hứng với Tiếng Anh, hãy yêu Tiếng Anh theo cách của “riêng mình” các em nhé!

Ms Hoa TOEIC - The Leading TOEIC Training Center In Vietnam

HOTLINE: 0969 264 966

TƯ VẤN MIỄN PHÍ: <http://bit.ly/tuvantoeic>

Website: <http://www.anhngumshoa.com/>

Fanpage: <https://www.facebook.com/mshoatoeic/>

CƠ SỞ HÀ NỘI:

- Cơ sở 1: 89 Tô Vĩnh Diện, Thanh Xuân, HN. SĐT: 0466 811 242
- Cơ sở 2: 461 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, HN. SĐT: 0462 956 406
- Cơ sở 3: 141 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, HN. SĐT: 0462 935 446
- Cơ sở 4: Số 20 Nguyễn Đồng Chi, Nam Từ Liêm, HN, SĐT: 0462 916 756
- Cơ sở 5: Liên kê 13, khu đô thị Bắc Hà, Hà Đông, HN - 0462 926 049
- Cơ sở 6: 56 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, HN –

CƠ SỞ HỒ CHÍ MINH:

- Cơ sở 1: 49 A Phan Đăng Lưu, P.3, Q. Bình Thạnh, HCM. SĐT: 02866 85 65 69/ 0969 264 966
- Cơ sở 2: 569 Sư Vạn Hạnh, P.13, Q.10, HCM. SĐT: 02866 88 22 77
- Cơ sở 3: 82 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, HCM - SĐT: 02866 54 88 77
- Cơ sở 4: 427 Cộng Hòa, Phường 15, quận Tân Bình, HCM - SĐT: 02862 867 159
- Cơ sở 5: 224 Khánh Hội, P.6, Quận 4, TP HCM - 02866 73 11 33
- Cơ sở 6: L30.3 Khu dân cư Cityland Park Hills, Số 18 Phan Văn Trị, P.10, Q.Gò Vấp – SĐT: 02866 735 353

CƠ SỞ ĐÀ NẴNG:

- Cơ sở 1: 233 Nguyễn Văn Linh - Quận Thanh Khê – 0236 357 2008

CHÚC CÁC EM ÔN THI THÀNH CÔNG!

Anh ngữ Ms Hoa